

Mở đầu

1. Lý do chọn đề tài

Trong xã hội phát triển ngày nay, con người dường như có xu hướng hiện đại hóa cả lối sống cũng như suy nghĩ của mình. Với một nền kinh tế hội nhập, cũng tạo điều kiện cho văn hóa các nước du nhập vào Việt Nam, đặc biệt văn hóa phương Tây đang dần đi sâu vào lối sống vào lối sống của giới trẻ làm mất dần bản sắc văn hóa truyền thống của người Việt Nam đồng thời cũng dẫn đến nhiều hệ lụy. Giới trẻ hiện tại có cách nghĩ và lối sống hiện đại hơn, quan niệm về giới tính “thoáng” hơn so với trước đây.

Một vấn đề đang cấp thiết và gây nhức nhối trong xã hội lúc bấy giờ đó là tình yêu giới trẻ. Tình yêu là thứ tình cảm tốt đẹp, thiêng liêng nhất của lứa đôi nhưng kết quả của tình yêu chỉ được xã hội công nhận khi nó đi đến hôn nhân hợp pháp. Thế nhưng ngày nay, giới trẻ, đặc biệt là sinh viên, họ đang có xu hướng hiện đại trong tình yêu, yêu hết mình và vượt qua mọi giới hạn, rào cản. Từ “tình yêu” đang dần mất đi ý nghĩa đích thực của nó. Nhiều cặp thanh niên yêu nhau đã quyết định sống chung với nhau như vợ chồng trước hôn nhân, đó là tình trạng cộng đồng xã hội ngày nay gọi là “sống thử”.

Sống thử hay còn được gọi là sống chung trước hôn nhân là tình trạng nam nữ thanh niên, sinh viên xa nhà tự dưng sống với nhau như vợ chồng mà chưa được sự đồng ý của cha mẹ hai bên. Đây là hiện tượng đang tăng lên trong xã hội Việt Nam trong những năm gần đây, hiện tượng này không chỉ diễn ra tại các khu công nghiệp, các trường đại học, cao đẳng và các trường chuyên nghiệp tại các thành phố, khu đô thị lớn như ở Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng... mà nó cũng đang xảy ra ở các trường chuyên nghiệp đóng trên các địa bàn khác trong cả nước.

Trong xã hội truyền thống như ở Việt Nam việc mỗi cá nhân hoàn toàn tự quyết định hôn nhân là điều ít xảy ra. Hôn nhân là việc của gia đình, dòng tộc chứ không phải là chuyện riêng của mỗi cá nhân. Trong cuốn “Công trình góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam” tác giả Nguyễn Văn Huyền đã viết: “Cha mẹ quyết định, con cái chỉ có nghe theo. Tình yêu giữa cô dâu và chú rể không quan trọng. Nếu người con không bằng lòng người chồng hay người vợ mà bố mẹ chọn cho thì chỉ có một cách hành động đó là bỏ nhà đi. Lúc đó người con bị xem là đứa con bội bạc, và cha mẹ có thể tước quyền thừa kế của anh ta”. Và để trở thành vợ chồng, được chung sống với nhau, nam nữ thanh niên phải trải qua nhiều nghi lễ khác nhau, các nghi lễ chính như lễ giạm hay lễ vấn danh, lễ hỏi hay là lễ nạp tệ, lễ rước dâu. Có thể nói, quan hệ hôn nhân trong thời kỳ này thường bị chi phối bởi gia đình, nam nữ thanh niên chỉ là vợ chồng và được phép chung sống khi họ thực hiện các nghi lễ hôn nhân trước sự chứng kiến của gia đình, dòng tộc và hàng xóm.

Từ khi Việt Nam thực hiện công cuộc đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã là thay đổi mọi mặt của đời sống, kinh tế, văn hóa, xã hội. Đời sống vật chất, tinh thần của con người ngày càng được cải thiện và nâng cao rõ rệt. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và toàn cầu hóa cũng là thay đổi hệ thống những giá trị, chuẩn mực và hành vi sống của các nhóm xã hội trong đó có giới trẻ.

Hiện nay, nhóm thanh niên được sinh ra trong khoảng thời gian từ 1980 trở lại đây đang hướng đến những quan niệm và hành vi mới về cuộc sống, tình bạn, tình yêu và hôn nhân. Thực tế cho thấy họ thể hiện quan hệ tình yêu của mình một cách công khai với mọi người xung quanh, với gia đình, họ hàng... Trong hoảng hơn 10 năm trở lại đây xuất hiện hiện tượng nam nữ thanh niên sống chung với nhau trước hôn nhân tại các khu công nghiệp, khu xóm trọ của sinh viên ở các trường chuyên nghiệp, các trường đại học, cao đẳng trong cả nước và phổ biến ở các khu đô thị lớn như Hà Nội, Hồ Chí Minh... và khái niệm “sống thử” được thường xuyên nhắc đến trong các nhóm đối tượng này.

Có nhiều cách nhìn nhận khác nhau về việc sống thử, sống chung trước hôn nhân, có ý kiến thì đồng tình, ủng hộ, có ý kiến thì phê phán, không chấp nhận nhưng cũng có những ý kiến mang tính trung lập không đồng tình cũng không phản đối. Nhưng một thực tế không thể phủ nhận được là việc “sống thử” đã ảnh hưởng sâu sắc đến lối sống của sinh viên nói riêng và giới trẻ nói chung ngày nay.

Trong đề tài nhóm tôi chọn trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh là địa bàn nghiên cứu vì trường nằm trên địa bàn quận Thủ Đức TP.HCM, là một trường đại học đào tạo nguồn nhân lực chủ yếu cho TP.HCM và một số ít các tỉnh thành khác, đặc biệt nhóm ngành chuyên về kỹ thuật chiếm đến hơn 50% là sinh viên của trường. Trong các đề tài nghiên cứu đã thực hiện về nhận thức của sinh viên nói riêng và của giới trẻ nói chung về “sống thử” thường tập trung chủ yếu ở các vùng đô thị lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Hồ Chí Minh, Huế, Đà Nẵng... và cách nhìn nhận về sống thử chủ yếu do tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, do sự du nhập lối sống phương Tây vào Việt Nam làm cho giới trẻ có những quan niệm mới về các mối quan hệ như tình bạn, tình yêu và tình dục.

Xuất phát từ những vấn đề trên nên nhóm tôi chọn đề tài “***Đánh giá nhận thức của sinh viên trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh về vấn đề sống thử***” để phân nào có thể khái quát về nhận thức của sinh viên ngày nay về sống thử. Vậy chúng ta nhìn nhận vấn đề này như thế nào? Việc sống thử của sinh viên đem lại những lợi ích gì? Tác hại ra sao? Câu trả lời không còn là vấn đề của các nhà chức trách mà đang trở thành một vấn đề rất nóng hổi của toàn xã hội. Để hiểu rõ hơn về vấn đề “sống thử”, sau đây nhóm tôi tiến hành nghiên cứu thực trạng sống thử của sinh viên hiện nay. Từ đó đưa ra những mặt tiêu cực và tích cực của nó để có những cái nhìn đúng đắn về vấn đề này.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

cứu 2.1 Mục tiêu nghiên cứu

- Đánh giá được thực trạng sống thử của sinh viên hiện nay.
- Đưa ra các nguyên nhân dẫn đến việc sống thử, hậu quả của việc sống thử.
- Phân tích giúp chúng ta thấy được các mặt tồn tại của vấn đề đáng báo động này để từ đó xem xét các nguyên nhân, thực trạng cũng như nhằm đưa ra các giải pháp cho hiện tượng này.

2.2 Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu của đề tài, nhóm chúng tôi đề ra ba nhiệm vụ chính cần giải quyết như sau:

- Thứ nhất là nghiên cứu tình trạng sống thử của sinh viên hiện nay.
- Thứ hai là nhận thức, đánh giá thực trạng cũng như mức độ quan tâm của sinh viên đối với việc sống thử.
- Cuối cùng là tìm hiểu các nguyên nhân dẫn đến tình trạng sống thử của sinh viên hiện nay từ đó đưa ra các kiến nghị và biện pháp phù hợp.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

- Sống thử đã xuất hiện ở các nước phương Tây từ khá lâu, nhưng mới xuất hiện ở Việt Nam từ những năm 90 trở lại đây. Đây được xem là hiện tượng khá phổ biến ở Việt Nam cũng như các nước Châu hiện nay. Hiện tượng này càng ngày càng gia tăng ở giới trẻ nhất là đối với thanh niên và sinh viên.
- Đối tượng nghiên cứu: Nhận thức của sinh viên Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh về vấn đề sống thử.
- Khách thể nghiên cứu: sinh viên Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh tuổi từ 18 đến 24.

4. Giả thuyết nghiên cứu

Sinh viên quan niệm sống thử là hiện tượng tất yếu trong xã hội hiện đại. Ngày nay, giới trẻ có xu hướng ngày càng nhiều trong việc lựa chọn hình thức sống thử vì giới trẻ (chủ yếu là sinh viên) là nhóm người tiếp cận nhanh với cuộc sống hiện đại, thích thử nghiệm cuộc sống của mình. Vì vậy, họ lựa chọn sống thử để trải nghiệm bản thân, để khẳng định mình và có kinh nghiệm hơn trong cuộc sống gia đình sau này.

Sự lựa chọn sống thử của sinh viên còn xuất phát từ bản thân nhằm thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý. Ngoài ra sự tác động từ bên ngoài như do sống xa gia đình, do lối sống hiện đại đem lại quan niệm yêu là phải dành trọn cho nhau, do tác động môi trường sống, của các phương tiện thông tin truyền thông như Internet, phim ảnh thì phong tục tập quán cũng là một trong những yếu tố tác động đến quyết định sống thử hay sống chung trước hôn nhân của nam nữ sinh viên.

5. Phương pháp nghiên cứu

Sử dụng phương pháp thu thập số liệu thống kê để đưa ra các số liệu phân tích thực trạng sống thử của sinh viên hiện nay.

Sử dụng phương pháp phân tích để đưa ra các nguyên nhân, hậu quả và kết quả của việc sống thử.

6. Dàn ý của nội dung công trình nghiên cứu

Gồm 3 phần:

Mở đầu

Nội dung

Kết luận và khuyến nghị

Tài liệu tham khảo và phụ lục

Nội dung

Chương I: Cơ sở lý luận

1. Tổng quan nghiên cứu về sống thử

Sống thử hay sống chung trước hôn nhân không chỉ có ở Việt Nam mà còn xuất hiện ở các nước phương Tây từ những năm 60-70 của thế kỉ trước. So với xã hội truyền thống thì quan niệm sống thử lại khá cởi mở trong việc quyết định chung sống của các cặp đôi. Đây cũng là một vấn đề mà xã hội cần quan tâm nghiên cứu.

1.1 Nghiên cứu trên thế giới

Các tranh luận và nghiên cứu chuyên sâu về đề tài sống chung trước hôn nhân ở các nước phương Tây và một số quốc gia khác trên thế giới trở thành những vấn đề được các nhà nghiên cứu quan tâm do sự gia tăng quá nhanh số cặp đôi sống chung trước hôn nhân. Các nghiên cứu này không chỉ đưa ra các khái niệm mà còn thống kê tỉ lệ sống chung trước hôn nhân như là một chỉ báo trong đời sống gia đình nhằm giải thích các lý do dẫn đến quyết định sống chung và đánh giá kết quả của việc sống chung trước hôn nhân của các cặp đôi.

Trong xã hội phương Tây đại diện là Mỹ và Anh việc nghiên cứu về vấn đề sống chung trước hôn nhân chủ yếu tập trung vào tỉ lệ số cặp đôi sống chung qua các thời kỳ, theo số liệu thống kê tỉ lệ sống chung không kết hôn ngày càng cao và điều đó cho thấy tỉ lệ kết hôn ngày càng giảm xuống. Ví dụ ở Mỹ từ năm 1995 đến năm 2005 tỉ lệ các cặp sống chung không đăng ký kết hôn tăng từ 13% lên 53%.

Tại Trung Quốc, các cuộc tranh luận của sinh viên trên một số báo điện tử về quyền được quan hệ tình dục, quyền được sống chung trước hôn nhân đã đẩy lên phong trào sống chung và trở thành một của giới trẻ Trung Quốc, đặc biệt là trong sinh viên. Tỉ lệ thanh niên có quan hệ tình dục trước hôn nhân tăng đáng kể và vấn đề này trở thành chủ đề chính cho những cuộc tranh luận. Các chuyên gia và giới lãnh đạo rất đau đầu về hiện tượng này và cho rằng đây là một hiện tượng không lành mạnh.

Từ các cách nhìn nhận trên ta thấy rằng đây là hiện tượng xã hội mà các nhà nghiên cứu và giới lãnh đạo của các nước này rất quan tâm nghiên cứu là căn cứ cho các nhà hoạch định có cơ sở xây dựng chiến lược nhằm phát triển và ổn định xã hội.

1.2 Các nghiên cứu trong nước về sống thử

Sống thử là một hiện tượng nảy sinh trong quá trình của nền kinh tế thị trường, do nhu cầu nhập của văn hóa phương Tây tác động đến quan niệm sống, đến các giá trị mới trong xã hội hiện đại.

Vấn đề sống thử, sống chung trước hôn nhân không còn là một hiện tượng mới trong cuộc sống của giới trẻ nói chung và sinh viên nói riêng. Đã từ lâu hiện tượng này đã được nhắc tới trên một số báo viết như: Phụ nữ Việt Nam, Gia đình, Thanh niên, Tuổi trẻ... và

trên các báo điện tử như: Dân trí, Vnexpress, Vietnamnet, tienphong, thanhnien... và một số trang web khác.

Có thể nói phần lớn các bài viết đã cung cấp cho chúng ta những bằng chứng sinh động mô tả hiện tượng sống thử, sống chung trước hôn nhân đang lan tràn trong giới sinh viên ngoại tỉnh sống và học tập tại các thành phố lớn ở nước ta hiện nay. Các gia đình của sinh viên đều ở các tỉnh xa, họ có thể công khai sống chung ở các phòng trọ gần các trường cao đẳng và đại học, không chịu sự kiểm soát của nhà trường và gia đình.

Các bài viết cũng đã nêu lên được nguyên nhân xã hội dẫn đến sống chung như: để tiết kiệm chi tiêu, để chia sẻ tình cảm, chia sẻ công việc nội trợ và để thỏa mãn nhu cầu tình dục, do không có bố mẹ kiểm soát, để trải nghiệm hôn nhân... Các bài viết cũng chỉ ra tham gia sống chung cũng ảnh hưởng đến sức khỏe và học tập. Nhưng bên cạnh đó có một số bài viết cũng cho rằng sống chung giúp cho họ trưởng thành hơn, biết cách chia sẻ niềm vui, nỗi buồn trong cuộc sống, giúp nhau trong học tập và sinh hoạt hàng ngày.

2. Một số khái niệm

2.1 Khái niệm

2.1.1 “Sống thử”

Sống thử là một hiện tượng xã hội, theo đó các cặp nam nữ về sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không tổ chức hôn lễ, không đăng kí kết hôn.

Dưới góc độ của bài nghiên cứu này có thể hiểu sống thử là quá trình sống chung của các cặp đôi nam nữ sinh viên khi chưa đăng kí kết hôn và cũng chưa tổ chức đám cưới. Trên phương diện pháp lý những cặp đôi này chưa được công nhận là vợ chồng nhưng trên thực tế họ đã ở chung, ăn chung, ngủ chung sinh hoạt như một đôi vợ chồng thật. Đề tài này chúng tôi muốn dùng khái niệm sống thử để khu biệt nhóm đối tượng là sinh viên, trong thực tế còn có những hiện tượng sống chung thuộc nhiều đối tượng và độ tuổi khác.

Có thể so sánh giữa sống thử và hôn nhân thực tế có những điểm giống và khác nhau như sau:

	Sống thử	Hôn nhân thực tế
Giống	Chung sống với nhau như vợ chồng	

Khác	<ul style="list-style-type: none"> – Không được sự đồng ý của gia đình, dòng họ, cộng đồng nơi họ sống – Mang tính chất thử nghiệm trước khi đi đến quyết định sống chung lâu dài – Xuất hiện trong xã hội hiện đại, nơi tập trung nhiều thanh niên (sinh viên) – Không có sự chứng kiến của gia đình, họ hàng nên chia tay dễ dàng, khi có mâu thuẫn xảy ra thì tự giải quyết, không có sự can thiệp của gia đình, người thân 	<ul style="list-style-type: none"> – Được sự đồng ý của gia đình, dòng họ, cộng đồng – Một cuộc hôn nhân chính thức, phải thực hiện nghĩa vụ gia đình thực sự – Xuất hiện trong xã hội truyền thống, tồn tại ở nhiều vùng miền – Khi có mâu thuẫn xảy ra nếu không được giải quyết sẽ có sự can thiệp của gia đình, họ hàng...
------	--	--

Từ những so sánh trên ta có thể thấy được sống thử chỉ xuất hiện trong xã hội hiện đại. Hiện tượng này được xem xét ở ba khía cạnh: thực trạng, nguyên nhân và những yếu tố tác động đến nhận thức về vấn đề sống thử.

2.1.2 Sinh viên tham gia sống thử

Trong nghiên cứu này nói đến hiện tượng sinh viên tham gia sống thử có nghĩa là chỉ những cặp một nam và một nữ sinh viên tham gia sống chung với nhau, ăn, ở, ngủ chung với nhau trong một phòng trọ. Họ cùng nhau chia sẻ tài chính, việc nội trợ, học tập và có quan hệ tình dục... hình thức sống chung của họ chưa được gia đình biết, cộng đồng và pháp luật không thừa nhận.

2.1.3 Nhận thức

Nhận thức được hiểu là một quá trình, là kết quả phản ánh. Nhận thức là quá trình do con người nhận biết về thế giới, hay là kết quả của quá trình nhận thức đó.

Trong nghiên cứu này có thể hiểu khái niệm nhận thức là cách nhìn nhận, đánh giá của sinh viên về sống thử. Là quá trình phản ánh của một hiện tượng xã hội thông qua một số đối tượng mà cụ thể trong nghiên cứu này là sự nhìn nhận, là việc đánh giá, sự thể hiện thái độ của sinh viên với vấn đề sống thử.

2.1.4 “Kết thúc có hậu”

Khái niệm “kết thúc có hậu” ở trong bài nghiên cứu này được hiểu là đi đến cuối cùng của tình yêu, hôn nhân, hạnh phúc.

2.1.5 Thời kỳ giải phóng tình dục

Nền văn minh phương Tây đi qua thời kì cách mạng tình dục vào thập niên 1960-1970, thời kì mà người ta đã phản ứng ngược lại với những giá trị đạo đức, xã hội, khi đó quan hệ tình dục tự do, phóng khoáng.

2.1.6 Cái tuổi “chẳng thể dừng đợc”

Lứa tuổi mà mọi ham muốn về tình cảm đều mới lạ, sự tò mò kích thích sự đòi hỏi tìm hiểu lẫn nhau.

2.2 Quan niệm về sống thử trong xã hội

2.2.1 Tình yêu và hôn nhân trong xã hội Việt Nam



Trong xã hội truyền thống

Trong giai đoạn từ trước năm 1945 trở về trước, theo các tư liệu văn hóa dân tộc học cho thấy trong truyền thống người Việt (người Kinh) đã coi quan hệ tình yêu, tình dục trước hôn nhân là một hoạt động cấm kỵ. Thể hiện là các bài gia huấn do các nhà nho đã soạn ra cho họ tộc của mình trong việc răn dạy con gái và phụ nữ phải đứng đắn, đoan trang, giữ gìn tiết hạnh. Tình yêu nam nữ trước hôn nhân hầu hết là không có, tình yêu chỉ xuất hiện sau hôn nhân.

Về quyền quyết định hôn nhân trong thời kỳ này không coi trọng tình yêu nam nữ mà đề cao vai trò của cha mẹ, ông bà. Hôn nhân của mỗi cá nhân có vị trí cực kì quan trọng đối với gia đình và dòng họ. Chính vì vậy, hôn nhân không được coi là vấn đề riêng của mỗi đôi thanh niên nam nữ mà chủ yếu là kết quả sắp xếp bàn bạc giữa hai gia đình. Trong các cuộc hôn nhân đó lợi ích của người con thường không được coi trọng và những mục tiêu riêng của các bậc cha mẹ thường được đưa lên hàng đầu.

Giai đoạn từ năm 1945 đến 1985, đây là giai đoạn hình thành một nhà nước Việt Nam mới – Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, mở đầu một kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954, chấm dứt 80 năm đô hộ của thực dân Pháp, Việt Nam bước vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và bắt đầu công cuộc kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam. Bối cảnh xã hội đó đã tạo điều kiện cho quan hệ tình yêu và hôn nhân của người Việt phát triển theo hướng mới.

Bối cảnh xã hội thời kì này có vẻ như rất thuận lợi cho quan hệ tình yêu và hôn nhân tự do. Xuất hiện phong trào phản đối các quan niệm cũ về phân biệt nam nữ, về hôn nhân sắp đặt, về quyền uy tuyệt đối của quyền gia trưởng... Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được ban hành năm 1946 nhấn mạnh quyền bình đẳng nam nữ, đã khuyến khích người phụ nữ tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội. Tiếp đó Luật Hôn nhân và gia đình năm 1960 công nhận quyền tự do yêu đương và lựa chọn của con cái càng có ý nghĩa quan trọng trong sự biến đổi của tình yêu, hôn nhân.

Nhưng trên thực tế quan hệ tình yêu, hôn nhân trong giai đoạn này không thể phát triển theo hướng cá nhân. Người ta cho rằng đó không phải là lúc để nghĩ đến những tình cảm cá nhân mềm yếu mà cần phải tập trung đóng góp sức mình vào công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Nhiều tác phẩm văn học thời kỳ này viết về tình yêu lãng mạn không được cổ vũ mà thậm chí còn phê phán, lên án mạnh mẽ. Trong xã hội bấy giờ đấu tranh cho tình yêu nam nữ tự do nhưng đồng thời phải lên án gay gắt những quan hệ tình dục ngoài hôn nhân, coi đó là một tội lỗi hết sức nghiêm trọng. Những người vi phạm nếu bị phát hiện sẽ phải chịu những hình thức kỉ luật nặng nề mà từ đó địa vị và nhân phẩm của họ trong mắt người khác có thể sẽ không bao giờ phục hồi được nữa.

Còn đối với bậc cha mẹ, quan hệ tình yêu mà có quan hệ tình dục trước hôn nhân của con gái là một việc làm không thể tha thứ vì nó là một nỗi nhục của cả dòng họ. Vì vậy, gia đình phải giám sát mối quan hệ bạn bè khác giới của cô gái rất chặt chẽ. Mặc dù có sự kiểm soát nghiêm ngặt của gia đình và xã hội nhưng quan hệ tình yêu và quan hệ tình dục vẫn xảy ra nhưng không nhiều, chủ yếu tập trung vào các đối tượng công nhân ngoại tỉnh sống xa nhà và nhóm sinh viên học tại các trường đại học, cao đẳng. Do sống xa nhà được tự do yêu đương nên một số người đã vượt quá giới hạn. Những vi phạm này nếu bị phát hiện sẽ bị buộc thôi học, thôi việc hoặc phải cưới sớm. Nhìn chung trong thời kỳ này, quan hệ tình dục trước hôn nhân có nhưng không nhiều.



Trong xã hội hiện đại

Việc mở rộng và đa dạng hóa thành phần kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là tiền đề thúc đẩy sản xuất phát triển và đặt ra nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực lớn phục vụ cho việc xây dựng đất nước. Chính sách đổi mới, mở cửa và hội nhập quốc tế của Việt Nam đã tạo tiền đề phát triển các lĩnh vực kinh tế, văn hóa và xã hội. Bên cạnh đổi mới thì quá trình hội nhập kinh tế và văn hóa quốc tế diễn ra ngày càng mạnh mẽ và sâu rộng. Thực tế này tất yếu dẫn đến sự biến đổi trong xã hội về quan niệm tình yêu và hôn nhân. Quyền tự do của cá nhân trong quan hệ tình yêu được khẳng định, địa vị của người phụ nữ được cải thiện rõ rệt do có cơ hội nâng cao thu nhập và độc lập về kinh tế. Những biến đổi văn hóa xã hội là cơ hội để người dân, điển hình là giới trẻ có điều kiện tiếp xúc với văn hóa phương Tây qua các phương tiện truyền thông đại chúng như phim ảnh, sách báo và internet. Những biến đổi trong quan hệ tình yêu giới trẻ đang diễn ra mạnh mẽ nhất là ở các thành phố lớn.

2.2.2 Quan hệ tình yêu, hôn nhân và tình dục trong giới trẻ

Quan hệ tình yêu hôn và hôn nhân trong giai đoạn này bắt đầu có sự biến đổi rõ rệt. Tình bạn, tình yêu trong giới trẻ được thể hiện công khai với gia đình, bạn bè... thậm chí trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo giấy, báo mạng có riêng một chuyên mục viết về tình bạn, tình yêu dành cho giới trẻ.

Sự tràn ngập của các chủ đề này trên các phương tiện thông tin có thể ảnh hưởng đến thanh thiếu niên vì các bài báo hay phim ảnh còn có tác dụng phụ là kích thích và khuyến khích lớp trẻ sống thoải mái, bất chấp hậu quả.

2.2.3 Sự xuất hiện của hiện tượng sống thử

Qua thông tin trên báo chí trong những năm gần đây có thể thấy rằng quan niệm của người Việt Nam, đặc biệt là giới trẻ với vấn đề tình yêu, tình dục và hôn nhân thay đổi nhiều. Nếu trong những năm 90 của thế kỉ trước dư luận xã hội sôi nổi đề cập đến vấn đề quan hệ tình dục trước hôn nhân như một biểu hiện của nền đạo đức bị đi xuống thì ngày nay người ta chỉ xem nó là chuyện bình thường.

Từ những phân tích trên ta thấy hiện tượng sống thử chỉ xuất hiện trong xã hội hiện đại. Hiện tượng sống chung, sống thử không chỉ xuất hiện ở các đô thị lớn mà nó cũng đã xuất hiện ở trường đại học, cao đẳng trong khắp cả nước.

Chương II: Những yếu tố tác động đến nhận thức của sinh viên về sống thử và xu hướng sống thử

1. Những yếu tố tác động đến nhận thức của sinh viên về sống thử

1.1 Yếu tố cá nhân

Mức độ \ Sinh viên	Số lượng	%
Tốt	7	23,3
Bình thường	10	33,3
Xấu	13	43,3

Theo kết quả đánh giá, tổng số những bạn cho rằng sống thử là xấu trong tổng số 30 trường hợp thì có đến 13 trường hợp (tỉ lệ 43,3%), đánh giá ở mức độ bình thường có 10 trường hợp (tỉ lệ 33,3%) và 7 trường hợp còn lại cho là tốt (tỉ lệ 23,3%).

Qua đó ta thấy các bạn có nhận thức khá đa dạng về sống thử, đa phần các bạn cho là xấu nhưng cũng có một số bạn đã có nhận thức thoáng hơn về vấn đề sống thử nói chung và quan hệ tình dục trước hôn nhân nói riêng.

1.2 Yếu tố xã hội

Truyền thông đại chúng ngày càng có vai trò quan trọng và đóng góp vào sự phát triển của xã hội. Đối tượng truyền thông đại chúng bao gồm tất cả mọi tầng lớp trong xã hội, từ tầng lớp tri thức đến người nông dân, từ già đến trẻ đều là đối tượng của truyền thông đại chúng. Một lực lượng xã hội chịu tác động lớn của truyền thông đại chúng là sinh viên, là những người chủ tương lai của đất nước. Truyền thông đại chúng trong xu thế toàn cầu đang có ảnh hưởng, tác động rất lớn đến nhận thức, đến lối sống của sinh viên hiện nay. Các thông tin của phương tiện truyền thông đại chúng tác động vào sinh viên, hình thành nên thái độ nhận thức, cách nhìn nhận mới. Sự thay đổi về nhận thức tất yếu sẽ dẫn đến sự thay đổi về hành vi, lối sống. Trong nghiên cứu này chúng tôi muốn xem xét tác động của truyền thông đại chúng tác động đến sinh viên Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh về vấn đề sống thử để biết được nhận thức của sinh viên về vấn đề sống thử.

Để tìm hiểu sự tiếp cận của sinh viên tới các nguồn thông tin về sống thử, các sinh viên tham gia điều tra được hỏi về các nguồn thông tin họ đã tiếp cận theo một danh sách gồm 3 kênh cung cấp thông tin về lĩnh vực này, gồm: qua sách báo, tivi, Internet; qua bạn bè; qua quan sát cuộc sống xung quanh.

	Số lượng	%
Qua sách báo, tivi, internet	26	86,7
Qua bạn bè	22	73,3
Qua quan sát cuộc sống xung quanh	28	93,3

Kết quả cho thấy truyền thông trực tiếp đóng vai trò quan trọng đối với sinh viên trong việc tiếp nhận thông tin về vấn đề sống thử, số liệu bảng trên cho chúng ta thấy hầu hết đa số sinh viên được sống thử qua quan sát cuộc sống xung quanh với 93,3% và thông qua bạn bè với 73,3%. Đối với sách báo, tivi, internet cũng góp phần nâng cao nhận thức của sinh viên với 86,7%.

1.3 Yếu tố gia đình

Gia đình là môi trường giáo dục đầu tiên của mỗi cá nhân, tất cả những vấn đề ngoài xã hội được cá nhân tiếp nhận thông qua chất xúc tác đầu tiên là gia đình. Trong hệ thống cấu trúc xã hội, gia đình là một bộ phận, có những chức năng riêng, thỏa mãn những nhu

cầu nhất định của xã hội đó là thực hiện các chức năng kinh tế, sinh sản, xã hội hóa cá nhân và thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý. Gia đình là một tập hợp nhiều cá nhân. Mỗi cá nhân là một yếu tố cấu thành nên gia đình và có vai trò và chức năng riêng như vai trò của người cha, người mẹ và người con... trong gia đình. Trong xã hội truyền thống hay hiện đại gia đình đều có những nguyên tắc tồn tại độc lập, riêng biệt thông qua những quy định gọi là gia phong hay nề nếp, truyền thống gia đình. Giữa các loại gia đình khác nhau (gia đình hai thế hệ, gia đình nhiều thế hệ...) cũng có những khác biệt, điều đó tác động đến từng cá nhân. Do vậy, gia đình luôn có ảnh hưởng nhất định đến nhận thức của sinh viên về các vấn đề xã hội, trong đó có sống thử.

2. Xu hướng sống thử của sinh viên thông qua nhận thức của họ về sống thử

Ngày nay có thể nói sống thử bắt đầu trở thành một hiện tượng tương đối phổ biến trong giới trẻ ở Việt Nam nói chung và trong giới sinh viên nói riêng. Về khía cạnh nhân khẩu học, sống thử nói riêng và đời sống tình dục nói chung là một phần của kết quả nam, nữ kết hôn muộn, tuổi kết hôn trung bình của dân số cao hơn so với tuổi trưởng thành về giới tính.

Trong cuộc phỏng vấn, các bạn đều cho rằng sống thử ngày càng trở nên phổ biến và đa dạng hóa hơn. Nếu như sống thử ban đầu chỉ xuất hiện ở nhóm sinh viên năm cuối hoặc năm thứ ba thì hiện nay ngay cả các bạn sinh viên năm nhất cũng đã tha giã sống thử. Xét theo thuyết sự lựa chọn hợp lý, các sinh viên sẽ tìm đến sống thử như sự kết hợp hợp lý kinh tế (thử nghiệm đời sống vật chất của gia đình, cân đối chi phí khi sống chung) và hợp lý văn hóa (thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý của cá nhân khi chuẩn mực xã hội thay đổi). Quan niệm của sinh viên nói riêng và giới trẻ nói chung về sống thử có thể chia làm ba nhóm đồng tình (tốt), phản đối (không tốt) và không đồng tình cũng không phản đối (bình thường). Tuy nhiên trong nghiên cứu này cho thấy sự ủng hộ cũng có hai khía cạnh đối lập. Một nhóm là sự hòa theo xu hướng cho rằng sống thử để sau này khỏi nhầm khi sống thật và nhóm thứ hai cho rằng sống thử là để trải nghiệm cuộc sống gia đình, là sự trải nghiệm và học cách hòa nhập trong các mối quan hệ... khi trình tiết của người phụ nữ không phải là tuyệt đối, là thang đo để đánh giá phẩm chất người con gái. Chính sự tương phản này dẫn đến những hệ quả khác nhau và cùng làm cho quan niệm xã hội về sống thử dao động theo con lắc giữa đồng tình và phản đối.

Hiện nay, theo các bạn sinh viên cho biết còn nhiều lối sống thử theo kiểu “biến hóa” để tránh dư luận của xã hội, không bị mang tiếng và không bị phê phán. Ví dụ, thuê 2 phòng cạnh nhau, hoặc nam đến phòng nữ một vài ngày hoặc ngược lại. Có trường hợp là thuê các phòng nghỉ nhằm những ngày nghỉ lễ hoặc cuối tuần sống cùng nhau “như vợ chồng” hết thời gian nghỉ ai lại về nhà đấy.

Với bản chất của sinh viên là luôn tìm hiểu, áp dụng những kiểu sống để làm sao cho phù hợp với hoàn cảnh, thời gian và không gian vì vậy trong lối sống của họ vô cùng đa dạng. Để có sự thay đổi, yếu tố quan trọng nhất là tự bản thân mỗi sinh viên và bắt nguồn từ nhận thức cá nhân của mỗi người. Gia đình, nhà trường và cộng đồng đều có những ảnh hưởng nhất định đến nhận thức của sinh viên về vấn đề này và để cùng tác động một cách tích cực đến nhận thức của sinh viên, để là sao cho sinh viên nhận thức một cách đúng đắn nhất khi quyết định tham gia sống chung, sống thử.

Chương III: Thực trạng và nguyên nhân sống thử của sinh viên Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh

1. Giới thiệu vài nét về địa bàn nghiên cứu

Trường đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh được hình thành và phát triển trên cơ sở Ban Cao đẳng Sư phạm Kỹ thuật - thành lập ngày 05/10/1962. Ngày 21/09/1972, Trường được đổi tên thành Trung tâm Cao đẳng Sư phạm Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ Thủ Đức và được nâng cấp thành Trường đại học Giáo dục Thủ Đức vào năm 1974. Năm 1984, Trường đại học Sư phạm Kỹ thuật Thủ Đức hợp nhất với Trường trung học Công nghiệp Thủ Đức và đổi tên thành Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh. Năm 1991, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh sát nhập thêm Trường Sư phạm Kỹ thuật 5 và phát triển cho đến ngày nay.

Nằm ở cửa ngõ phía bắc Tp. Hồ Chí Minh, cách trung tâm thành phố khoảng 10 km, tọa lạc tại số 1 Võ Văn Ngân, quận Thủ Đức, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh tập hợp được các ưu điểm của một cơ sở học tập rộng rãi, kang trang, an toàn, nằm ở ngoại ô nhưng giao thông bằng xe buýt vào các khu vực của thành phố, đến sân bay và các vùng lân cận rất thuận tiện.

Chức năng và nhiệm vụ:

- Đào tạo và bồi dưỡng giáo viên kỹ thuật cho các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề, các trường phổ thông trung học.
- Đào tạo đội ngũ kỹ sư công nghệ và bồi dưỡng nguồn nhân lực lao động kỹ thuật thích ứng với thị trường lao động.
- Nghiên cứu khoa học và phục vụ sản xuất trên các lĩnh vực giáo dục chuyên nghiệp và khoa học công nghệ.
- Quan hệ hợp tác với các cơ sở khoa học và đào tạo giáo viên kỹ thuật ở nước ngoài.

2. Đặc điểm và khách thể nghiên cứu

Đề tài sử dụng phương pháp nghiên cứu toán học, với tổng mẫu nghiên cứu là 30 sinh viên thuộc khối sư phạm. Tỷ lệ sinh viên theo năm học: 30,8% năm thứ hai, 50,2% năm thứ ba, 19% năm thứ tư. Trong nhóm sinh viên nghiên cứu, có 63,5% sinh viên đã có người yêu, trong số thời gian quen nhau dưới 3 tháng là 7,4%, từ 3 tháng đến dưới 6 tháng là 11,2%, từ 6 tháng đến dưới 1 năm là 16,0% và từ 1 năm trở lên chiếm 65,4%.

Nơi ở hiện nay của sinh viên cũng khá đa dạng. Số sinh viên thuê bên ngoài ở một mình chiếm tỷ lệ cao nhất 30,3%. Tiếp theo đó là ở ký túc xá 28,3%, ở trọ với bạn bè 16,7%, ở cùng với bố mẹ là 12,3% và ở cùng với họ hàng là 2,7%. Và có 0% sinh viên thuê ở cùng với người yêu.

3. Quan niệm của sinh viên về vấn đề sống thử

Ngày nay hiện tượng sống thử trong giới trẻ nói chung và trong giới sinh viên nói riêng không còn là vấn đề mới mẻ nữa, hiện tượng này xảy ra ở hầu hết các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp trên cả nước, hiện tượng này cũng đang diễn ra tại các khu nhà trọ của sinh viên các trường đóng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh nói chung, Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh nói riêng. Vậy thực trạng nhận thức của sinh viên Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh về vấn đề sống thử thông qua việc nhận biết, đánh giá của sinh viên về hiện tượng sống thử, lợi ích và những bất cập trong quá trình tham gia sống thử.

Khi được hỏi bạn có biết về hiện tượng sống thử và hiện tượng đó có xảy ra ở Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh không, thì điều đáng ngạc nhiên là 100% số sinh viên được hỏi đều biết về hiện tượng đó và 99,7% thừa nhận ở trường có hiện tượng các sinh viên sống thử. Khi hỏi suy nghĩ của họ về hiện tượng sống thử của sinh viên, có 23,3% sinh viên cho rằng sống thử là tốt, 33,3% là bình thường và 43,3% là không tốt.

Từ kết quả trên ta thấy rằng, sinh viên Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh hiện nay đã có cái nhìn thoáng hơn trong việc đánh giá về sống thử. Với số sinh viên cho rằng sống thử là tốt chiếm tỉ lệ không nhiều (23,3%) nhưng ta cũng thấy có một vấn đề cần chú ý ở đây đó là cách nhìn nhận, đánh giá về lối sống của họ liệu có quá dễ dãi, thoáng không? Ở đây cũng cần đánh giá theo hai chiều hướng tích cực và tiêu cực. Nếu các bạn cho rằng sống thử là do các bạn tò mò, muốn thử để biết, để “thể hiện” hoặc thả mình theo kiểu sống “Tây hóa”... thì đó là cách nhìn nhận, cách sống theo chiều hướng tiêu cực. Nhưng nếu xuất phát từ sự nhận thức khá chín chắn, như một số sinh viên cho rằng “sống chung là một thử nghiệm hội nhập vợ chồng, là sự trải nghiệm và học cách hòa nhập trong các mối quan hệ của nhau, cùng quyết định chi tiêu, cùng nhường bộ, chấp nhận lẫn nhau và bày tỏ mong muốn của mình trong quá trình sống chung” nếu hiểu theo chiều cạnh này thì sống thử không phải là vấn đề đáng chê trách mà còn có các khía

chạnh tốt và tình dục ở đây chỉ là một phần nhỏ trong đời sống tâm lý, tình cảm dù là rất quan trọng nhưng không phải là tất cả trong sự lựa chọn cách sống thử, điều này càng có ý nghĩa hơn khi ta nhìn nhận được rằng đó là một hành động có ý thức, bao hàm cả việc giữ gìn cái vô giá của tình yêu - sự hi sinh và sự tự chủ của bản thân chứ không chỉ không phải là một sự thỏa mãn lợi dụng nhau trong quá trình sống thử.

Với 33,3% số sinh viên được hỏi cho rằng hiện tượng sống thử là một hiện tượng xã hội bình thường trong xã hội hiện đại, điều đó cho thấy rằng quan niệm về tình bạn, tình yêu và hôn nhân của sinh viên – đại diện cho thế hệ trẻ đã khác rất nhiều so với các quan niệm trước đây. Họ không phản đối cũng không đồng tình. Nếu như trước đây quan hệ tình yêu nếu vượt quá giới hạn cho phép thì sẽ bị các tổ chức đoàn thể phê bình, lên án, thậm chí là kỉ luật, bạn bè thì khinh bỉ, tẩy chay... còn trong xã hội hiện nay tất cả những việc đó thuộc về cá nhân họ phải tự chịu trách nhiệm về các quyết định của bản thân. Từ những suy nghĩ như vậy mới tạo ra cách đánh giá, nhìn nhận về hiện tượng sống thử một cách chung chung, không phản đối cũng không đồng tình, có thể trong số này về một khía cạnh nào đấy họ cũng ủng hộ lối sống này nhưng trong tâm lý người Việt Nam nhiều khi ngại nói thật, chính vì vậy mới tạo ra cách đánh giá chung chung như vậy.

Mặc dù 100% số sinh viên được hỏi cho rằng biết có hiện tượng sống thử và 99,7% biết hiện tượng đó có xảy ra ở trường nhưng trong số đó có 43,3% cho rằng sống thử là không tốt, điều đó cho thấy một bộ phận không nhỏ sinh viên Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh hiện nay vẫn có cách nhìn về tình bạn, tình yêu nghiêng về truyền thống. Họ cho rằng, nên giữ cho tình bạn, tình yêu một khoảng cách vì tình yêu sinh viên thường là tình cảm đầu đời, nếu không tiến đến được hôn nhân thì vẫn có cái nhìn trong sáng về nhau, không phải hối hận khi đã từng là người bạn tâm tình, là người yêu một thời trong quãng đời sinh viên tươi đẹp.

Với câu hỏi theo bạn sống thử là như thế nào hầu hết các bạn sinh viên đều trả lời sống thử là sống chung như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn, không có sự chứng kiến của hai bên gia đình chiếm 91%, 35,3% trả lời câu hỏi sống chung với nhau và có quan hệ tình dục 3,3% trả lời sống chung với nhau và không có quan hệ tình dục và 7,3% trả lời chỉ có quan hệ tình dục nhưng không sống chung với nhau. Hầu hết sinh viên trong mẫu điều tra đều nhận thức được đầy đủ về hiện tượng sống thử.

4. Các nguyên nhân dẫn đến sống thử

4.1.1 Lý do cá nhân

Trong nghiên cứu này chỉ ra rằng nguyên nhân đầu tiên qua đánh giá của các bạn sinh viên về vấn đề sống thử là nhằm thỏa mãn tâm lý, tình yêu, tình dục. Có thể giải thích điều này như sau.

Nếu như, trong xã hội Việt Nam ngày xưa, việc dựng vợ gả chồng là rất sớm, còn có câu thành ngữ “gái thập tam, nam thập lục”, có nghĩa là con gái đến mười ba tuổi là bắt đầu “dậy thì” cũng là lúc bắt đầu gả chồng được, nam giới thì “dậy thì” muộn hơn, bước vào tuổi mười sáu cũng là độ tuổi trưởng thành về mặt thể chất và tâm sinh lý. Gia đình có con trai ở độ tuổi này cũng bắt đầu nhờ mai mối để cưới vợ cho con. Từ việc lấy vợ, gả chồng cho con trước tiên là để có người làm, có người sinh con để duy trì nòi giống thì nhìn ở khía cạnh khác có thể thấy rằng nam nữ đến tuổi trưởng thành (trong độ tuổi 13 đối với nữ, 16 đối với nam) cũng đã được giải quyết về vấn đề thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, về quan hệ tình dục.

Ngày nay, xã hội ngày càng phát triển, điều kiện kinh tế, đời sống của người dân ngày càng tăng cao, do vậy việc chăm lo sức khỏe cả về đời sống tinh thần và vật chất cho mọi người nhất là trẻ em được gia đình và xã hội ngày càng quan tâm. Do ăn uống đủ chất nên cơ thể của trẻ em ngày nay phát triển sớm hơn trẻ em ngày xưa. Về mặt sinh học, trẻ em ngày nay dậy thì sớm hơn, bên cạnh đó sự tác động của một số phương tiện truyền thông đại chúng như phi ảnh về đề tài tình yêu, một số trang mạng xã hội trên Internet nói về chủ đề tình yêu, tình dục biến các em tò mò tìm hiểu. Ở một phía cạnh khác, do độ tuổi xây dựng gia đình kéo dài hơn so với trước đây, việc học phổ thông kéo dài 12 năm cộng với một số năm học ngành nghề và đều quan trọng nhất là do quan niệm của xã hội không còn có cách nhìn khắt khe như ngày trước nữa, mọi quyết định đều tự cá nhân và do cá nhân.

Như phần trình bày trong phần tổng quan, nghiên cứu ở một số nước phương Tây chỉ ra rằng việc cá nhân đi đến quyết định tham gia sống thử với người bạn tình khác giới trong một căn phòng riêng thường bị chi phối bởi các lý do như là kinh tế, chia sẻ công việc nội trợ và có quan hệ tình dục dễ dàng... Việc lựa chọn sống thử hay sống chung của một số nam nữ sinh viên trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh cũng xuất phát từ thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, có nhiều thời gian ở bên nhau hơn, được chia sẻ tình cảm, có thời gian chăm sóc nhau, và một lý do thứ yếu nữa là sống chung để tiết kiệm. Những lý do trên cũng phản ánh sự lựa chọn cái “được” hay cái “lợi” của sống thử. Đây cũng là lý do việc vận dụng lý thuyết trao đổi và sự lựa chọn hợp lý, tác giả muốn lý giải hiện tượng của nhóm sinh viên quyết định lựa chọn cách sống chung, sống thử.

Kết hợp với câu hỏi “nguyên nhân dẫn đến hiện tượng sống thử là do đâu?” hầu hết các bạn sinh viên tham gia trong mẫu điều tra đều tích vào câu “sống thử để trải nghiệm cuộc sống gia đình” (19/30 phiếu) chiếm 64% sau đó mới đến các nguyên nhân khác như do tác động từ phía người yêu (13/30 phiếu) chiếm 43,7%, do thiếu thốn tình cảm, sống thử để có nhiều điều kiện quan tâm chăm sóc nhau nhiều hơn (8/30 phiếu) chiếm 26,7%.

Những lý do dẫn đến quyết định sống chung, sống thử:

- Lý do tình cảm là chính, khi yêu nhau rồi mình muốn có nhiều thời gian bên nhau để quan tâm và được chăm sóc nhau nhiều hơn. Đặc biệt khi đã yêu một người con gái nào rồi người nam luôn muốn người con gái đó luôn ở bên mình để thường xuyên được nghe giọng nói, nhìn thấy nụ cười của họ. Lý do kinh tế chỉ là phụ thôi vì khi đi học cả hai đều được gia đình chu cấp tiền cho khá đầy đủ rồi .
- Lý do mình quyết định chung sống với bạn trai là để có người cùng chia sẻ học tập và đặc biệt là mình có thể chia sẻ tình cảm với người bạn trai của mình.

Qua những thông tin phỏng vấn sâu chúng tôi đã biết được các lý do chi phối động cơ tham gia sống thử của nam, nữ sinh viên ở Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh hiện nay. Chúng tôi nhận thấy rằng mỗi trường hợp, mỗi hoàn cảnh và động cơ đi đến sống thử, sống chung của họ cũng không hoàn toàn giống nhau. Nhưng đa số trường hợp tham gia sinh viên gia sống chung, sống thử để “được” chia sẻ tình cảm, chăm sóc cho nhau, và thỏa mãn nhu cầu sinh lý. Trong số sinh viên chọn sống thử để được người sống cùng che chở, bảo vệ an toàn, có người giúp đỡ, phục vụ việc nội trợ hàng ngày; có trường hợp để “được” chia sẻ học tập, hỗ trợ kinh tế. Qua câu hỏi lợi ích của sống thử là gì ta thấy nhóm ý kiến cho rằng để thỏa mãn nhu cầu tình cảm , tình yêu, tình dục chiếm 70,3%, sau đó mới đến các lựa chọn khác như sống thử để có thời gian bên nhau nhiều hơn (66%) sống thử trước hôn nhân giúp tiết kiệm (50,3%). Theo một số nghiên cứu trước thì cho rằng sống chung giúp các bạn tiết kiệm hơn như trước thì phải trả tiền 2 phòng trọ thì giờ chỉ phải trả một phòng, không mất thời gian đi lại, được sinh hoạt cùng nhau... nhưng trong nghiên cứu này thì lý do tiết kiệm chỉ là một trong những lý do các bạn chọn còn lý do chính được các bạn chọn nhiều nhất là thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, tình yêu, tình dục. Qua một số dẫn chứng và phân tích trên chúng ta thấy mỗi sinh viên với hoàn cảnh và lý do của mỗi người khác nhau. Chúng tôi cho rằng quyết định tham gia sống thử của sinh viên cũng phản ánh một sự tính toán, lựa chọn của các bên tham gia. Có khác biệt giới rõ rệt vì lý do sống chung, sống thử. Sinh viên nam tìm đến hình thức sống chung vì mong muốn có người chăm sóc phục vụ hàng ngày, có cả mong muốn thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý chứ không phải chỉ vì lợi ích của cả hai. Trong khi sinh viên nữ tham gia sống thử vì muốn được động viên, an ủi, che chở, bảo vệ thậm chí có cả việc hỗ trợ về mặt kinh tế. Trong quan hệ này sinh viên nam đảm nhận sự che chở, bảo đảm an toàn, chu cấp kinh tế, tiền bạc cho các khoản chi tiêu riêng tư của cả hai để đổi lấy việc sinh viên nữ chấp nhận việc ở cùng và chấp nhận vai trò người phục vụ, việc nội trợ ,cơm nước, giặt giũ hay nói cách khác là chăm sóc bạn trai. Điều này cho thấy mỗi cá nhân có lựa chọn và mong đợi khác nhau từ việc lựa chọn sống thử.

4.1.2 Lý do xã hội

Trong các nguyên nhân dẫn đến sống thử qua mẫu điều tra chúng tôi thấy rằng một trong những nguyên nhân chính dẫn đến quyết định sống thử của nam nữ sinh viên là do thấy bạn bè sống thử nên muốn thử cho biết chiếm đến 64%. Tỷ lệ này nói lên hiện tượng thể hiện, đua đòi theo bè bạn, thấy bạn sống thử mình cũng muốn thử theo. Có thể thấy rằng khái niệm sống thử không còn xa lạ với sinh viên. Do ảnh hưởng của văn hóa phương Tây, do điều kiện, hoàn cảnh... sinh viên là đối tượng rất dễ bị tác động bởi bạn bè vì phần đông các bạn ở tỉnh khác, ở huyện về trọ học, sống xa gia đình, ít chịu sự kiểm soát của bố mẹ, người thân... Từ dẫn chứng trên có thể thấy rằng sinh viên sống xa nhà không chịu sự kiểm soát của bố mẹ, người thân nên các bạn sinh viên có thể tự do quyết định cuộc sống của chính mình. Điều này đã tạo cơ hội cho sinh viên lựa chọn cuộc sống cho riêng mình, thể hiện quan hệ tình yêu theo ý muốn của bản thân và trái với những mong đợi của gia đình. Nhiều bạn sinh viên có quan niệm rất đơn giản là đã yêu thì phải dành trọn tình yêu cho người mình yêu vì họ quan niệm đã yêu thì phải lấy được nhau chính vì vậy họ chung sống với nhau.

Tóm lại, từ những dẫn chứng và phân tích trên, chúng tôi cho rằng việc nhận thức về sống thử của sinh viên đều bị chi phối bởi lý do xã hội hay nói cách khác là cơ chế kiểm soát ở bên ngoài cá nhân. Cụ thể là sự suy yếu của thiết chế hôn nhân, của gia đình truyền thống, nhà trường và cộng đồng. Mặc dù sống thử không được các thế hệ cha mẹ chấp nhận nhưng hiện nay nó đã được thế hệ con cái cho là bình thường. Sự kiện con cái thoát li gia đình đến các trường chuyên nghiệp để học tập khiến cha mẹ không thể kiểm soát suy nghĩ, lối sống và các quan hệ xã hội mới, trong đó có quan hệ tình yêu của sinh viên.

Do sinh viên có quyền lựa chọn nơi sống của mình, nếu sinh viên lựa chọn sống ở nhà trọ bên ngoài nhà trường thì nhà trường không thể bao quát và kiểm soát sinh hoạt của cá nhân. Cơ chế kiểm soát của cộng đồng, đặc biệt là dư luận xã hội về sống thử của những người khác giới khi chưa là vợ chồng cũng suy yếu. Chính điều này cũng là cơ hội cho nam, nữ sinh viên dễ dàng quyết định tham gia chung sống cùng nhau. Hiện tượng này ngày càng trở nên phổ biến tại các trường đại học, cao đẳng trên cả nước.

Cơ chế và biện pháp kiểm soát của thiết chế phi chính thức như gia đình, bạn bè, cộng đồng, chủ nhà trọ và các thiết chế chính thức như nhà trường, cán bộ quản lý sinh viên, chính quyền sở tại đối với hiện tượng sống thử của sinh viên còn lỏng lẻo, thực tế này đã chi phối gián tiếp đến quá trình nhận thức và quyết định lựa chọn hình thức sống của sinh viên. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với luận điểm cơ bản của thuyết kiểm soát xã hội.

5. Đánh giá về lợi ích và bất lợi của sống thử

Qua đánh giá về lợi ích của sống thử trước hôn nhân 50,3% ý kiến cho rằng sống thử trước hôn nhân giúp tiết kiệm; 66,0% ý kiến cho rằng sống thử để có thời gian bên nhau

nhiều hơn, giúp đỡ nhau trong học tập; 70,3% ý kiến cho rằng sống thử là để thỏa mãn nhu cầu, tình yêu tình dục.

Về đánh giá lợi ích của sống thử đa số sinh viên cho rằng sống thử là để thỏa mãn nhu cầu, tình yêu tình dục. Khi đã có tình cảm với nhau thì nhu cầu được ở bên nhau là điều dễ hiểu. Số sinh viên cho rằng sống thử sẽ giúp cho họ có thể có nhiều thời gian ở bên nhau, giúp đỡ nhau trong học tập chiếm 66,0%. Tuy nhiên khi các cặp đôi dành cho nhau quá nhiều thời gian và họ lại có sự đồng cảm với nhau khi chia sẻ tình cảm cho nhau thì những nhu cầu tâm sinh lý có thể sẽ nảy sinh. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với tỉ lệ đánh giá của sinh viên về vấn đề sống thử phần lớn là để nhằm thỏa mãn tình dục khá cao (70,3%). Bên cạnh đó việc sống thử cũng giúp cho họ có thể tiết kiệm được tiền (50,3%) như tiết kiệm được tiền phòng, tiết kiệm chi phí đi lại, quà cáp... Nếu như trong nghiên cứu của tác giả Nguyễn Đức Chiện khi nghiên cứu về chung sống trước hôn nhân của nam nữ sinh viên trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội không nhằm mục đích tiết kiệm trong chi tiêu, khi tác giả so sánh giữa các cặp sinh viên nam, sinh viên nữ và cặp đôi nam nữ chung sống với nhau thì cho thấy kết quả cặp đôi nam nữ chi phối cho sống chung cao hơn (13 khoản) so với cặp sinh viên nam và cặp sinh viên nữ sống cùng nhau (11 khoản). Điều này cho thấy rằng việc sống chung trước hôn nhân của cặp đôi nam nữ sinh viên trường Đại học nông nghiệp I Hà Nội không nhằm mục đích tiết kiệm chi phí sinh hoạt hàng ngày mà ngược lại chi phí còn tốn kém hơn so với việc không sống chung. Điều này có thể cũng phù hợp vì sinh viên sống và học tập tại thủ đô và các thành phố lớn và cũng là nơi có nhiều địa điểm du lịch, các khu vui chơi giải trí vì vậy khi đã tham gia sống chung với nhau và nhu cầu giải trí nhiều hơn. Chính vì vậy việc sống chung của các cặp đôi nam nữ sinh viên tất yếu sẽ tốn kém hơn những sinh viên không tham gia sống chung.

Đánh giá về những bất cập khi tham gia sống thử, các bạn lại cho rằng sống thử sẽ không có thời gian cho học tập và tham gia các hoạt động của trường chiếm 69%, còn các bất cập bị ràng buộc, ảnh hưởng đến sức khỏe chiếm 50,3%, số sinh viên cho rằng sống thử không có bất cập gì chiếm 5,6%.

Nhìn chung khi hỏi về những bất cập khi tham gia sống thử thì phần lớn cho rằng khi tham gia sống thử thì thời gian giành cho học tập nghiên cứu sẽ không có nhiều vì thời gian dành cho những việc như đi chợ, nấu nướng, giặt giũ... chiếm thời gian hơn nhiều. Còn những ảnh hưởng khác như không có thời gian cho hoạt động tập thể, bị ràng buộc, hạn chế giao tiếp với bạn bè... Trong số này thì có 5,6% cho rằng không có bất cập gì. Khi kiểm định lại số sinh viên cho rằng sống thử không có bất cập gì, nhận thấy phần lớn những sinh viên đó là người đánh giá, nhìn nhận cho rằng hiện tượng sống thử là tốt.

Kết luận và khuyến nghị

1. Kết luận

Trong nhận thức của sinh viên sống thử không hẳn là một hiện tượng xấu, đáng lên án. Các cặp đôi sống thử họ chọn cách sống này như là một sự lựa chọn hợp lý với các yếu tố như tình cảm, tâm sinh lý và chứa đựng trong đó cả vấn đề kinh tế nữa. Khi xem xét trên những phía cạnh đó ta thấy nhận thức của sinh viên về vấn đề sống thử khá toàn diện. Qua điều tra, khảo sát và phân tích, nhóm chúng tôi xin đưa ra một vài kết luận như sau:

1.1 Phần lớn sinh viên có suy nghĩ chấp nhận sống thử vì cho rằng đó là một lối sống mới, một hệ quả tất yếu trong quá trình xã hội Việt Nam giao thoa với nền văn hóa phương Tây. Ảnh hưởng đó tác động đến xã hội Việt Nam từ chính các nước Châu đã chịu ảnh hưởng từ trước đó.

1.2 Trong các nguyên nhân dẫn đến sống thử, các sinh viên cho rằng yếu tố thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, tình yêu, tình dục là nguyên nhân lớn nhất ảnh hưởng đến quyết định tham gia sống thử. Sự khác biệt giữa xã hội truyền thống và xã hội hiện đại là nhóm các bạn trẻ này dám bước qua bức ngăn của chuẩn mực đạo đức xã hội và họ muốn tạo dựng lên lối sống mới.

1.3 Yếu tố phong tục tập quán, quan niệm cởi mở, phóng khoáng trong tình yêu của các bạn trẻ là một trong những nhân tố tác động dẫn đến quyết định tham gia sống thử của sinh viên Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật TP.HCM.

1.4 Sự biến đổi toàn diện môi trường kinh tế - văn hóa – xã hội đã tác động vào mọi mặt đời sống xã hội. Trong các yếu tố đó, sự cạnh tranh về văn hóa giữa một phương Tây hiện đại và một phương Đông truyền thống đã tạo nên sự khác biệt trong nhận thức của các nhóm sinh viên. Sự can thiệp sâu sắc nhất thể hiện gián tiếp thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng và sự tác động qua thực tế cuộc sống của chính các nhóm sinh viên tham gia sống thử đến quá trình nhận thức của sinh viên nói chung.

1.5 Một số vấn đề đặt ra cho những nghiên cứu sau này:

Do hạn chế của nghiên cứu mới chỉ đánh giá, nhìn nhận về thực trạng nhận thức của sinh viên và các nguyên nhân dẫn đến sống thử. Các yếu tố tác động cũng mới chỉ xem xét trên một vài khía cạnh nhỏ cá nhân, gia đình và xã hội (truyền thống, phong tục tập quán). Qua đây cũng gợi mở ra một số vấn đề nghiên cứu sâu hơn:

- Ảnh hưởng của phong tục tập quán đến hôn nhân của giới trẻ sinh viên thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Nhận thức của sinh viên về giá trị văn hóa truyền thống trong tình yêu, hôn nhân trong cuộc sống hiện đại.
- Hiểu biết về sức khỏe sinh sản với sống thử trong sinh viên.

2. Khuyến nghị

2.1 Cần coi sống thử như một hiện tượng xã hội mới trong xã hội Việt Nam. Vì vậy cần phải có những định hướng cho giới trẻ nói chung và sinh viên nói riêng có một cách đánh giá, nhìn nhận đúng đắn về nó để từ đó mỗi sinh viên khi tham gia vào đó phải tự chịu trách nhiệm với những hậu quả nó để lại.

2.2 Trong các chương trình giáo dục sức khỏe giới tính trong trường phổ thông và trường đại học, cao đẳng cần thường xuyên tổ chức các buổi thảo luận, ngoại khóa về giáo dục sức khỏe giới tính, an toàn tình dục, riêng với các trường đại học, cao đẳng và các trường chuyên nghiệp Đoàn trường kết hợp với Hội sinh viên tổ chức những hội nghị, hội thảo, ngoại khóa... hoặc tuyên truyền trên đài phát thanh, mạng nội bộ của trường các chương trình, bài viết bàn về sống thử, sống chung trước hôn nhân để sinh viên có nhận thức đúng đắn về hiện tượng xã hội này và giúp cho những đôi có quyết định tham gia sống thử chuẩn bị được tâm lý, biết cách phòng tránh những hậu quả do sống thử để lại như có thai ngoài ý muốn, các bệnh lây truyền qua đường tình dục, bạo lực...

2.3 Cần có sự gắn kết giữa gia đình, nhà trường và địa phương nơi cư trú để kiểm tra, giám sát tình hình của con em mình trong quá trình học tập cũng như trong các mối quan hệ xã hội khác.

2.4 Cần có những nghiên cứu, điều tra về sống thử sâu rộng hơn về không gian, thời gian để thấy được kết quả của quá trình sống thử để lại. Để từ đó có những dẫn chứng cần thiết trong công tác tuyên truyền hiểu biết về vấn đề sống thử làm cho sinh viên nhận thức đúng đắn và đi đến quyết định riêng cho mình nên hay không nên sống thử.

2.5 Về phía Nhà nước nên có những quy định là cơ sở pháp lý cho cuộc sống thử nói riêng và chung sống trước hôn nhân nói chung để là căn cứ xử lý trong những trường hợp có xung đột, bạo lực, tranh chấp tài sản, con cái...

2.6 Để thực hiện được những giải pháp trên cần có sự đồng thuận, quan tâm một cách có hệ thống và mang tính chiến lược giữa các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội và tự bản thân của mỗi người.

Tài liệu tham khảo và phụ lục

1. Tài liệu tham khảo

- Báo tuổi trẻ, sức khỏe và đời sống
- Website: www.dantri.com
- Website: www.vnexpress.net
- Các sách báo nói về sức khỏe giới tính và hôn nhân.
- Sách Chung , Nguyễn Đình Tấn. Nghiên cứu xã hội học. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội
- Sách Vũ Tuấn Huy (chủ biên). Xu hướng gia đình ngày nay (Một vài đặc điểm từ nghiên cứu thực nghiệm tại Hải Dương). NXB Khoa học xã hội, 2004.
- Sách Lê Ngọc Vãn. Gia đình và biến đổi gia đình Việt Nam ngày nay. NXB Khoa học xã hội, 2012.
- Sách Nguyễn Thu Nguyệt. Vấn đề hôn nhân – gia đình và trẻ em qua góc nhìn báo chí NXB Khoa học xã hội, 2007.
- Bùi Vân Anh (2006) “Bước đầu tìm hiểu thái độ của nữ sinh viên về sống thử” Tạp chí Tâm lý học số 2.
- Nguyễn Đức Chiện (2011) “Sống chung trước hôn nhân của nam nữ sinh viên hiện nay (nghiên cứu trường hợp trường đại học Nông nghiệp Hà Nội)”, Luận án tiến sĩ xã hội học, Thư viện Xã hội học.
- Nguyễn Đức Chiện (2004), “Lựa chọn bạn đời của thanh niên nông thôn hiện nay”, tạp chí nghiên cứu Phụ nữ, số 2.
- Thu Hòa. “Giật mình với tỉ lệ nạo phá thai của học sinh, sinh viên”, nguồn: <http://giaoduc.net.vn> , ngày 26/12/2011.
- Vương Linh. “Các đôi sống thử dễ li hôn sau cưới”, nguồn: <http://www.baomoi.com> ngày 27/6/2012.
- Đào Thị Tuyết Mai (2009) “Nhận thức của sinh viên đại học về sống thử”, luận văn thạc sĩ xã hội học, trường đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội.
- Phương Thảo. “Chung sống như vợ chồng sẽ được luật hóa”. Nguồn: www.baomoi.com ngày 29/7/2012.
- Linh Vũ. Indonesia có thể bỏ tù các cặp đôi sống thử. Nguồn: <http://Vietnamplus.vn>, ngày 09/3/2013.

